

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá kết quả sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản 9 tháng đầu năm, giải pháp thực hiện nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2019**

#### **I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

Trên cơ sở Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng năm 2019; các Thông báo kết luận của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo điều hành khác ngành Nông nghiệp và PTNT đã chủ động chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Chủ động tham mưu cho UBND tỉnh giao chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội về lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; phối hợp tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kịch bản tăng trưởng kinh tế theo từng quý, năm; Phương án tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2019; hướng dẫn triển khai, thực hiện các chỉ tiêu sản xuất nông, lâm nghiệp để đạt mục tiêu tăng trưởng đề ra.

- Ban hành Quyết định số 58/QĐ-SNN ngày 25/01/2019 về kế hoạch thực hiện Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 và Quyết định 2099/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể đến từng phòng, đơn vị; tổ chức theo dõi đôn đốc tình hình thực hiện, qua đó nắm bắt và tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Tham mưu, xây dựng các phương án sản xuất nông, lâm nghiệp như: Phương án sản xuất vụ đông xuân, phương án sản xuất vụ mùa; phương án sản xuất vụ đông; phương án quản lý sinh vật gây hại trên một số cây trồng chính vụ xuân, vụ mùa; phương án phòng chống cháy rừng; phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phương án phòng chống dịch bệnh nguy hiểm cho đàn vật nuôi, thủy sản; Phương án phát triển chăn nuôi các tháng cuối năm 2019,...

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tiêm phòng định kỳ cho đàn vật nuôi; tham mưu rà soát, lựa chọn địa điểm để giới thiệu, kêu gọi, thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố. Xây dựng kế hoạch thực hiện việc chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang cây trồng có giá trị kinh tế cao năm và duy trì diện tích đã thực hiện chuyển đổi năm 2018.

Từ công tác chỉ đạo điều hành 9 tháng đầu năm 2019, sản xuất nông lâm nghiệp đã đạt được một số kết quả nhất định, kết thúc gieo trồng vụ xuân, vụ

mùa một số cây trồng vượt chỉ tiêu đề ra, nạo vét kênh mương đảm bảo nước tưới, chuẩn bị tốt các phương án phòng chống thiên tai, công tác trồng rừng vượt kế hoạch đề ra. Các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng năm 2019 được tổ chức thực hiện và hoàn thành theo đúng tiến độ.

## **II. CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

### **1. Trồng trọt**

Dự ước sản lượng lương thực có hạt năm 2019 đạt 175.433/175.000 tấn, đạt 100% kế hoạch, bằng 98% so với cùng kỳ năm 2018, lương thực bình quân đầu người ước đạt trên 558 kg/người/năm.

a) Cây lúa: Tổng diện tích gieo cấy lúa ruộng 23.212/22.400 ha đạt 104% kế hoạch giao và bằng 99% cùng kỳ năm 2018; năng suất bình quân ước đạt 49,34 tạ/ha; sản lượng ước đạt 114.534/110.155 tấn, đạt 104% kế hoạch, bằng 100% so với cùng kỳ năm 2018; 8/8 huyện, thành phố đạt và vượt kế hoạch về diện tích gieo cấy lúa cả năm, trong đó:

- Lúa Đông - Xuân: Diện tích gieo cấy 8.788/8.400 ha, năng suất 55,14 tạ/ha, sản lượng đạt 48.455/45.931 tấn đạt 105% kế hoạch, giảm 02% so với cùng kỳ.

- Lúa mùa: Diện tích gieo cấy 14.424/14.000 ha đạt 103% kế hoạch, bằng 99% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 45,81 tạ/ha, sản lượng ước đạt 66.078/64.224 tấn đạt 103% kế hoạch, tăng 02% so với cùng kỳ năm 2018.

- Lúa nương 85 ha, năng suất ước đạt 17,38 tạ/ha, sản lượng ước đạt 148 tấn, bằng 61% so với năm 2018.

b) Cây ngô: Diện tích gieo trồng 14.374/15.000 ha đạt 96% KH, giảm 04% so với cùng kỳ năm 2018; năng suất ngô cả năm ước đạt 42,26 tạ/ha; sản lượng ước đạt 60.751/64.846 tấn, đạt 94% kế hoạch và bằng 96% so với cùng kỳ năm 2018.

c) Cây thuốc lá: Diện tích trồng đạt 869/920 ha đạt 94% kế hoạch, bằng 97% so với cùng kỳ năm 2018, năng suất 21,37 tạ/ha, sản lượng 1.856/2.141 tấn đạt 87% kế hoạch, bằng 89% so với cùng kỳ.

d) Cây dong riềng: Diện tích 468/820 ha đạt 57% KH, bằng 45% so với cùng kỳ năm 2018, sản lượng ước đạt 33.544/58.050 tấn, đạt 58% kế hoạch giao, bằng 46% so với cùng kỳ năm 2018. Hiện nay các địa phương có diện tích trồng lớn như huyện Ba Bê, Bạch Thông, Na rì đã tổ chức ký kết thu mua sản lượng củ sau thu hoạch.

e) Cây khoai môn thực hiện 229/280 ha đạt 82% kế hoạch, năng suất 95,15 tạ/ha, sản lượng ước đạt 2.179/2.456 tấn đạt 89% kế hoạch, bằng 113% so với cùng kỳ năm 2018.

f) Cây rau diện tích trồng được 2.883/2.800 ha đạt 103% kế hoạch, năng suất ước đạt 126,44 tạ/ha, sản lượng ước đạt 36.452/33.793 tấn đạt 108% kế hoạch, bằng 125% so với cùng kỳ năm 2018.

g) Cây gừng: Diện tích trồng được 169/300 ha đạt 56% kế hoạch, năng suất ước đạt 202 tạ/ha, sản lượng ước đạt 3.402/8.445 tấn đạt 40% kế hoạch, bằng 41% so với cùng kỳ năm 2018.

h) Cây chè: Diện tích hiện có 2.116/2.700 ha, diện tích dự kiến cho thu hoạch 1.881/2.500 ha đạt 75% kế hoạch, năng suất 44,74 tạ/ha, sản lượng ước đạt 8.416/10.000 tấn đạt 84% kế hoạch, bằng 87% so với cùng kỳ năm 2018. Cải tạo thâm canh chè cảnh 117/150 ha đạt 78% kế hoạch, diện tích còn lại các địa phương phấn đấu hoàn thành trong quý 4; diện tích chè được chứng nhận ATTP hoặc VietGAP, chè hữu cơ 53/60 ha đạt 88% KH.

i) Cây cam, quýt: Diện tích hiện có 3.220/2.880 ha, diện tích cho thu hoạch 2.190/2.150 ha, đạt 102% kế hoạch, sản lượng ước đạt 18.231 tấn đạt 104% kế hoạch, tăng 08% so với cùng kỳ năm 2018. Diện tích cam, quýt cải tạo, thâm canh 503/500 ha đạt 101% KH, tăng 61% so với cùng kỳ; diện tích được chứng nhận ATTP hoặc VietGAP 41/50 ha đạt 82% KH; trồng mới 143/180 ha đạt 79% KH, bằng 66% so với cùng kỳ.

k) Cây hồng không hạt: Diện tích hiện có 694/719 ha, diện tích cho thu hoạch 384/515 ha, đạt 75% kế hoạch, năng suất 46,27 tạ/ha, sản lượng ước đạt 1.777/2.348 tấn đạt 76% kế hoạch, bằng 80% so với cùng kỳ năm 2018. Diện tích cải tạo, thâm canh 33/150 ha đạt 22% KH; diện tích được chứng nhận ATTP hoặc VietGAP 03/08 ha đạt 38% KH; trồng mới 27/60 ha đạt 45% KH, bằng 40% so với cùng kỳ.

l) Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa 222/342 ha<sup>1</sup>, đạt 65% kế hoạch; duy trì diện tích đã chuyển đổi năm 2018 là 1.265/1.386 ha, đạt 91% kế hoạch.

m) Diện tích đất ruộng, soi bãi đạt 100 triệu đồng trên ha trở lên 2.234/3.400 ha đạt 66% kế hoạch, diện tích còn lại các địa phương đang tiếp tục thực hiện phấn đấu đạt kế hoạch giao.

m) Tình hình dịch hại đối với cây trồng: Năm 2019, điều kiện thời tiết thuận lợi cho sâu bệnh phát sinh, phát triển và gây hại. Tuy nhiên, được sự hỗ trợ của cơ quan chuyên môn, đa số các hộ dân đã kịp thời áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào xử lý diện tích cây trồng bị nhiễm sâu bệnh, cụ thể:

- Trên cây lúa: *Ốc brou vàng* gây hại 166 ha, trong đó diện tích nhiễm nhẹ đến trung bình 149 ha, nhiễm nặng 17 ha, người dân đã tích cực phòng trừ nên không có diện tích phải cấy lại, diện tích nhiễm cao hơn cùng kỳ năm trước; *bọ rầy* gây hại mạnh 403 ha từ đầu tháng 5 trên các giống Khang dân 18, Tạp giao 1, Sơn lâm 2, Nhị ưu 63, nhị ưu 838, tạp giao 1, PC6, Hoa khôi 4, Nếp 97,... trong đó diện tích nhiễm nhẹ đến trung bình 350 ha, nhiễm nặng 53ha, đã phun

---

1 Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa giảm 87 ha do một số địa phương nhầm với diện tích duy trì từ năm 2018, sau khi rà soát lại chỉ còn 222 ha.

phòng trừ 463 ha, diện tích nhiễm cao hơn cùng kỳ năm trước; *bệnh đạo ôn lá* gây hại 139 ha trên giống QR1, giống lúa nếp DS1, J02, J04, PC6,... người dân đã phun phòng toàn bộ diện tích nhiễm, ngành Nông nghiệp chỉ đạo đơn vị chuyên môn tiếp tục theo dõi và có biện pháp kịp thời xử lý nhằm hạn chế tối đa gây ảnh hưởng đến năng suất lúa; *bệnh đạo ôn cổ bông* gây hại 02 ha; *bệnh khô vằn* gây hại 09 ha, *đốm sọc vi khuẩn* gây hại 08 ha,...

- Trên cây ngô: *Sâu keo mùa thu* gây hại 686 ha từ đầu tháng 4 tại các huyện Na Rì, Chợ Mới, Ngân Sơn, Ba Bể, Chợ Đồn và Pác Nặm, trong đó nhiễm nhẹ đến trung bình 432 ha, nhiễm nặng 346 ha, đã phun bằng thuốc hóa học và bắt thủ công, diện tích nhiễm cao hơn cùng kỳ năm trước; *Sâu đục thân* nhiễm nhẹ 16ha; *sâu gai* nhiễm nhẹ đến trung bình 20 ha; *bệnh lùn sọc đen* nhiễm nhẹ 01 ha, bà con đã chủ động nhổ bỏ cây bị bệnh và phun phòng trừ.

- Cây gừng *bệnh thối nhũn* gây hại cục bộ tại huyện Chợ Mới, tổng diện tích nhiễm 15 ha trong đó nhiễm nhẹ đến trung bình 11 ha, nhiễm nặng 4 ha.

- Các cây trồng khác sâu bệnh gây hại nhẹ cả về thành phần, mật độ và tỷ lệ hại, ngành đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn dự tính, dự báo và định kỳ ban hành thông báo hướng dẫn bà con phòng trừ dịch hại.

n, Công tác quản lý giống và vật tư nông nghiệp:

- Quản lý giống: Công tác cung ứng giống lúa, ngô trong năm 2019 đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất, phần lớn diện tích được trồng giống lúa, ngô theo cơ cấu chỉ đạo, cụ thể:

+ Vụ xuân: Có 38 loại giống lúa gieo trồng trên địa bàn tỉnh, trong đó giống trong cơ cấu 11 giống, chiếm 72% diện tích gieo trồng, ngoài cơ cấu 27 giống, chiếm 28% diện tích gieo trồng; có 31 loại giống ngô, trong đó giống trong cơ cấu 11 giống, chiếm 68% diện tích gieo trồng, ngoài cơ cấu 20 giống, chiếm 32% diện tích gieo trồng.

+ Vụ mùa: Có 31 giống lúa, lượng giống trong cơ cấu chỉ đạo chiếm 83% tổng diện tích gieo cấy, lượng giống ngoài cơ cấu chỉ đạo chiếm 17% tổng diện tích; có 24 giống ngô, lượng giống trong cơ cấu chỉ đạo chiếm 66% tổng diện tích gieo trồng lượng giống ngoài cơ cấu chỉ đạo chiếm 34% tổng diện tích.

- Thẩm định và cấp 107 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón; tổ chức 03 lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn về phân bón, thuốc BVTV cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh với 88 học viên tham dự.

- Thực hiện lấy 06 mẫu thuốc bảo vệ thực vật, 10 mẫu phân bón, 20 mẫu giống lúa. Kết quả phân tích đạt tiêu chuẩn về chất lượng của nhà sản xuất ghi trên bao bì, các lô giống có đầy đủ giấy tờ kiểm dịch thực vật theo quy định.

## **2. Chăn nuôi**

### **2.1. Phát triển chăn nuôi**

Trong 9 tháng đầu năm công tác chăn nuôi phát triển chậm, tổng đàn các loại vật nuôi giảm so với cùng kỳ năm 2018, đặc biệt là đàn lợn giảm mạnh do trên địa bàn tỉnh xảy ra dịch bệnh tả lợn Châu Phi, cụ thể:

- Tổng đàn vật nuôi:

+ Đàn đại gia súc trâu, bò, ngựa 67.167/84.400 con, đạt 80% KH, bằng 86% so với cùng kỳ năm 2018 (gồm trâu 45.256/58.020 con đạt 78% KH, bò 19.285/23.640 con đạt 82% KH; ngựa 2.626/2.740 con đạt 96% KH).

+ Đàn lợn 132.564/193.800 con, đạt 68% KH, bằng 81% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Đàn dê 22.240/35.400 con, đạt 63% kế hoạch, bằng 72% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Đàn gia cầm 1.557.472/1.760.000 con, đạt 88% KH, bằng 106% so với cùng kỳ năm 2018.

## **2.2. Công tác thú y**

- Công tác phòng bệnh cho đàn vật nuôi

Để kịp thời phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi trên địa bàn, ngay từ đầu năm ngành đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật, phun thuốc tiêu độc khử trùng dịp tết Nguyên đán và lễ hội xuân năm 2019, Phương án phòng chống dịch bệnh động vật cho vật nuôi, thủy sản, Kế hoạch tiêm phòng định kỳ,... cụ thể:

+ Triển khai phun thuốc tiêu độc khử trùng đợt 1/2019 được 122/122 xã, phường, thị trấn với 384.538 lượt hộ và 42 chợ; lượng hoá chất sử dụng là: 16.000 lít.

+ Kết quả tiêm phòng định kỳ đợt I năm 2019:

Đàn trâu, bò: Vắc xin LMLM bò tiêm được 37.685/52.200 liều đạt 72% KH, bằng 83% so với cùng kỳ; vắc xin THT tiêm được 39.989/52.200 liều đạt 77% KH, bằng 85% so với cùng kỳ.

Đàn lợn: Vắc xin dịch tả lợn tiêm được 35.759/46.700 liều đạt 77% KH, bằng 74% so với cùng kỳ; vắc xin THT tiêm được 38.864/46.700 liều đạt 83% KH, bằng 80% so với cùng kỳ.

Vắc xin đại chó tiêm được 34.889/38.900 liều đạt 90% KH, bằng 116% so với cùng kỳ.

- Triển khai công tác tiêm phòng đợt 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y đã phân bổ vắc xin tiêm phòng đợt 2 cho các huyện, thành phố bao gồm: Lở mồm long móng 14.825 liều, tụ huyết trùng trâu, bò 13.600 liều và đại chó tiêm phòng bổ sung 1.300 liều.

- Công tác chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi:

+ Bệnh dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP): Ngày 09/3/2019 bệnh DTLCP xuất hiện ổ dịch đầu tiên tại xã Thuần Mang, huyện Ngân Sơn và từ ngày 03/5/2019 đến nay bệnh DTLCP tiếp tục bùng phát và lây lan nhanh tại nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh, tính đến ngày 19/9/2019 dịch đã xuất hiện tại 144 xã, 644 thôn, 3.768 hộ, có 15.211 con bị nhiễm bệnh, đã tiêu hủy 25.356 con với khối lượng 1.118.609 kg. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và thực hiện các biện pháp cấp bách, đồng bộ để phòng chống, đến nay dự ước kinh phí cho công tác phòng, chống dịch khoảng 51 tỷ đồng, hóa chất khử trùng các loại 23.019 lít; 140,5 tấn vôi bột, 1280 bộ quần áo, khẩu trang 800 chiếc, gang tay 800 đôi tuy nhiên dịch bệnh vẫn tiếp tục lây lan và chưa có dấu hiệu dừng lại. Hiện nay, bệnh DTLCP trên địa bàn 19 xã, 07 huyện đã công bố hết dịch và có 15 xã, 06 huyện đã qua 30 ngày không phát sinh thêm ổ dịch mới, ngành đã phối hợp với địa phương thẩm định, hoàn thiện hồ sơ công bố hết dịch và chỉ đạo người chăn nuôi tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

Ngoài ra, tại các địa phương khác rải rác xảy ra ổ dịch nhỏ, như: Bệnh Tụ huyết trùng, lép tô lợn, newcastle gà,... đã được người dân phát hiện, báo cho cơ quan chuyên môn điều trị kịp thời không để ổ dịch lây lan.

- Công tác kiểm soát giết mổ và kiểm dịch vận chuyển: Cơ quan chuyên môn đã kiểm dịch vận chuyển xuất ra ngoài tỉnh: Trâu, bò, ngựa 6.826 con; lợn 329 con, dê 334 con và gia cầm 6.633 con; kiểm soát giết mổ: Trâu, bò 220 con; lợn 8.156 con và gia cầm 9.853 con; kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tại các đầu mối giao thông: Trâu, bò 27.619 con, dê 2.205 con, lợn 8.257 con, gà vịt 311.700 con.

- Công tác xử lý vi phạm: Xử phạt 110 triệu đồng/21 vụ vi phạm; thu 70 triệu đồng phí tiêu độc khử trùng/1.750 lượt xe vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.

### **3. Thủy sản**

- Nuôi trồng thủy sản: Thực hiện 1.376 ha/1367 ha, đạt 101% kế hoạch tăng 2% so với cùng kỳ năm 2018, diện tích nuôi chủ yếu tại các ao đập ngăn khe quy mô nhỏ; ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có 2.299m<sup>3</sup> lồng nuôi (cá rô phi, cá trắm cỏ, cá chép, cá chày đất, cá võng,...) tại các hồ có diện tích mặt nước lớn, sản lượng ước đạt 75 tấn. Trong kỳ đã tổ chức lấy 09 mẫu giám sát tại xã Kim Lư huyện Na Rì gửi đi phân tích, kết quả 06 mẫu âm tính, 02 mẫu cá chép dương tính với vi rút KHV, 01 mẫu cá rô phi dương tính với vi khuẩn gây bệnh Streptococcus, đơn vị chuyên môn đã phối hợp với địa phương hướng dẫn hộ nuôi tiêu hủy số cá bị bệnh, và áp dụng các biện pháp phòng và điều trị bệnh.

- Giống thủy sản: Đã cung ứng được 11/13 tấn cá giống cho người nuôi trên địa bàn tỉnh đạt 85% kế hoạch, gồm các loài cá mè, trôi, trắm cỏ, chép, rô phi, trê lai,...ngoài ra, nhân dân đã chủ động mua giống thủy sản từ tỉnh ngoài để đáp ứng nhu cầu nuôi thả thủy sản.

- Nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống ngành Thủy sản, ngành đã phối hợp với UBND huyện Na Rì, Ban Tôn giáo Sở Nội vụ, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bắc Kạn thả 12.000 con cá giống xuống hồ Khuổi Khe (trong đó: 8.000 con từ ngân sách nhà nước và 4.000 con do Giáo Hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bắc Kạn hỗ trợ), với 227 đại biểu và đông đảo người dân xã Kim Lư cùng tham dự.

(Chi tiết tại biểu số 01 gửi kèm)

#### **4. Lâm nghiệp**

- Công tác phát triển rừng: Đã thực hiện trồng rừng đạt 6.583/5.735 ha, đạt 115% kế hoạch, trong đó trồng phân tán 2.948 ha, trồng tập trung 3.635 ha. Diện tích rừng đã trồng đang trong chu kỳ chăm sóc trên địa bàn tỉnh từ năm 2016 - 2018 là 10.490 ha, trong đó rừng phòng hộ 161 ha, rừng sản xuất 10.329 ha.

(Chi tiết tại biểu số 02 gửi kèm)

- Công tác quản lý bảo vệ rừng: Tổ chức 1.008 cuộc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng với 36.559 lượt người tham gia. Thực hiện tốt việc trực phòng cháy chữa cháy, thường xuyên tổ chức tuần tra vùng trọng điểm nhằm xử lý kịp thời các tình huống xảy ra nên trong 9 tháng đầu năm không xảy ra cháy rừng. Lập biên bản 212 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, tịch thu 230 m<sup>3</sup> gỗ các loại (giảm 330m<sup>3</sup> so với cùng kỳ năm 2018), tổng các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước trên 2,2 tỷ đồng.

- Công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát khai thác lâm sản: Tính đến ngày 05/7/2019 trên địa bàn tỉnh đã khai thác được 242.665/200.000m<sup>3</sup> đạt 121% kế hoạch.

- Hoạt động tại các khu bảo tồn: Đã thực hiện hỗ trợ gói 40 triệu cho 06/56 cộng đồng thôn vùng đệm; tổ chức tuần tra và truy quét được 1.054 lượt với 4.492 lượt người tham gia. Việc kiểm tra, truy quét tập trung tại các khu vực trọng điểm có nguy cơ khai thác rừng, khai thác khoáng sản trái phép góp phần hiệu quả trong phòng ngừa, ngăn chặn và phát hiện sớm các hành vi vi phạm trong khu bảo tồn. Tại hai khu bảo tồn hiện nay đã cấp giấy chứng nhận sử dụng cho 626/633 chiếc cửa xăng đạt 99%, trong đó thực hiện quản lý tập trung được 195/626 chiếc đạt 31%.

- Tình hình dịch hại cây lâm nghiệp: Trên cây hồi tổng diện tích *bệnh thán thư* gây hại 326 ha tại các huyện Bạch Thông, Chợ Mới, Na Rì, Ngân Sơn trong đó diện tích bị hại nặng khoảng 68, diện tích nhiễm nhẹ đến trung bình là 123 ha, một số diện tích được phun trừ và diện tích nhiễm nhẹ ra lộc mới không có vết bệnh. Tổng diện tích *sâu ong* hại 219 ha cây mỡ tại các huyện Bạch Thông, Ngân Sơn, Ba Bể, Pác Nặm, TP Bắc Kạn, trong đó diện tích nhiễm nhẹ 92 ha, nhiễm trung bình 87 ha, nhiễm nặng 40 ha. Trên cây keo *mối* phát sinh gây hại gốc và rễ 05 ha (cây keo 5-6 năm tuổi); *châu chấu tre lưng vàng* gây hại khoảng 510 ha rừng vầu hỗn giao tại xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn và khu vực giáp ranh xã Cường Lợi, huyện Na Rì với huyện Tràng

Định, tỉnh Lạng Sơn với mật độ trung bình 80 - 100 con/m<sup>2</sup>, cục bộ 300 con/m<sup>2</sup>. UBND xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn phun trừ khoanh vùng những khu vực giáp ranh với cây trồng nông nghiệp bằng máy phun dạng khói được khoảng 50ha. Diện tích nhiễm thấp hơn cùng kỳ năm trước.

## **5. Các hoạt động khác**

### **5.1. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn**

- Công tác thủy lợi: Tổ chức triển khai Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; xây dựng phương án phòng chống hạn vụ đông xuân năm 2018-2019; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019; tổ chức phân loại hiện trạng công trình và hệ thống công trình thủy lợi theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP và rà soát các trường hợp công trình thủy lợi khác phải cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ; chỉ đạo các địa phương quản lý, khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất như: Quản lý nguồn nước, tích nước, vận hành điều tiết hồ chứa, sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi,... chủ động thực hiện phương án phòng chống hạn hán, phòng chống thiên tai đảm bảo kế hoạch sản xuất năm 2019, trong vụ Đông Xuân 2018-2019 không có diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiếu nước.

- Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Ngành đã tham mưu cho UBND tỉnh kiện toàn ban chỉ huy PCTT-TKCN; tổ chức Hội nghị tổng kết công tác PCTT-TKCN năm 2018 và triển khai công tác năm 2019; chỉ đạo các địa phương rà soát các điểm có nguy cơ thiên tai cao, từ đó xây dựng phương án phòng tránh, ứng phó với thiên tai; thực hiện đảm bảo an toàn hồ chứa nước trong mùa mưa lũ, thực hiện trực ban, tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trong 9 tháng đầu năm thời tiết diễn biến phức tạp, đã xảy ra các đợt mưa kèm theo tố lốc trên diện rộng, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và sản xuất nông nghiệp, cụ thể: 01 người chết, 04 người bị thương; 2.840 nhà ở bị tốc mái, hư hỏng; 525 ha hoa màu bị ảnh hưởng; 512 con vật bị chết; 06 ha ao nuôi thủy sản bị vỡ, tràn bờ,... Ước thiệt hại khoảng 28.773 triệu đồng. Trước tình hình trên Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thành phố bị ảnh hưởng chủ động chỉ đạo nhân dân bảo vệ tốt con người, khắc phục thiệt hại theo phương châm "4 tại chỗ", đồng thời thành lập đoàn công tác xuống các địa phương bị thiệt hại trực tiếp chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả.

### **5.2. Công tác Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản số 167/KH-UBND, ngày 29/3/2019 về Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2019; thành lập đoàn kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trong dịp tết Nguyên đán và Lễ Hội xuân năm 2019, kiểm tra tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả đến các huyện, thành phố về công tác quản lý chất lượng VTNN và an toàn thực



phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong nông lâm thủy sản. Tiếp nhận và giải quyết 03 hồ sơ cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP, 03 hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho 07 hợp tác xã với 07 sản phẩm (chuối sấy giòn, dẻo; chè xanh khô; mật ong; giao cổ lam; lạp sườn; cơm cháy).

- Phối hợp với các cơ quan báo, đài truyền hình phát sóng 06 tin bài về chủ đề “an toàn thực phẩm trong nông lâm thủy sản năm 2019”; treo 08 băng zôn tại các chợ huyện, thành phố với nội dung phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về chất lượng VTNN& ATTP nông lâm thủy sản. Phát hành 300 tờ rơi, 03 băng đĩa truyền về an toàn thực phẩm trong nông nghiệp cho các huyện, thành phố, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.

- Công tác thanh, kiểm tra: Thành lập 04 đoàn, kiểm tra 88 cơ sở trên địa bàn các huyện, thành phố, trong đó 48 cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguồn gốc từ động vật, 38 cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguồn gốc động vật, 02 cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguồn gốc từ thủy sản; thời tiên hành lấy 108 mẫu kiểm tra bằng phương pháp kiểm tra nhanh. Kết quả 92 mẫu âm tính với dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm lân và cacbamat, hàn the...chiếm 85%; 02 mẫu dương tính với thuốc bảo vệ thực vật chiếm 2%; 14 mẫu không rõ kết quả chiếm 13%,... cơ quan chuyên môn đã yêu cầu các cơ sở thực hiện khắc phục lỗi và cam kết chấp hành tốt các quy định của nhà nước trong việc sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.

- Lấy mẫu giám sát ATTP: Lấy 33 mẫu trên 08 huyện, thành phố. Kết quả 23 mẫu đảm bảo an toàn chiếm tỷ lệ 70%, 10 mẫu không đảm bảo chất lượng chiếm tỷ lệ 30 % với 03 mẫu thịt gà nhiễm Ecoli vượt ngưỡng cho phép từ 7,2-1920 lần; 03 mẫu bột ớt phát hiện nấm Aflatoxin (tự sinh ra trong quá trình bảo quản) vượt ngưỡng cho phép từ 1-4,9 lần; 04 mẫu (quả đào trơn, rau mùng tơi, cam, xoài mít) phát hiện hoạt chất thuốc BVTV (Carbofuran, Cacabendazim) nằm ngoài danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam. Để nhằm ngăn ngừa và nâng cao trách nhiệm của các hộ kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn toàn tỉnh, ngành đã ban hành văn bản chỉ đạo các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng các sản phẩm nông lâm thủy sản, đồng thời cử cán bộ trực tiếp đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh có mẫu không đảm bảo an toàn nhắc nhở, cam kết thực hiện đúng quy định.

### ***5.3. Công tác phát triển nông thôn***

- Phát triển kinh tế hợp tác: Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực phát triển kinh tế tập thể; hướng dẫn thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã tại cơ sở; tính đến 31/8/2019 trên địa bàn tỉnh có 139 hợp tác xã nông nghiệp<sup>2</sup>, trong đó thành lập mới năm 2019 là 21/16 HTX đạt 131% kế hoạch; có 122 tổ hợp tác, trong đó có 101 tổ hợp tác có chứng nhận của địa phương; số tổ hợp tác có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông sản là 15; có 798 hộ tổ chức sản xuất theo quy mô trang trại, gia trại, trong đó có 12 trang trại được cấp giấy chứng nhận

---

<sup>2</sup> Trong 139 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó 49 hợp tác xã trồng trọt, 31 hợp tác xã chăn nuôi, 04 hợp tác xã lâm nghiệp, 02 hợp tác xã nước sạch nông thôn, 53 hợp tác xã nông nghiệp tổng hợp.

kinh tế trang trại theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT, tăng 04 trang trại so với năm 2018. Tổ chức khảo sát, lựa chọn 07 HTX tham gia mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tổ chức 06/08 lớp nâng cao năng lực quản trị phát triển HTX với 180 người tham gia.

- Hoàn thiện hồ sơ quyết toán Phương án bố trí dân cư xen ghép tỉnh Bắc Kạn năm 2017 và 2018, phối hợp với các huyện, thành phố rà soát đối tượng, địa bàn để xây dựng phương án bố trí dân cư xen ghép tỉnh Bắc Kạn năm 2019; xây dựng hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 12 “Mô hình sản xuất” của Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020. Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng cho 40 cán bộ làm công tác bố trí dân cư tại các địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các dự án, tiểu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tại các địa phương.

#### **5.4. Công tác thanh tra, kiểm tra**

Triển khai 01 cuộc thanh tra thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng và việc thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục thủy lợi; tổ chức 01 cuộc kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu, thanh quyết toán Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017, 2018 tại các huyện, thành phố và Vườn Quốc gia Ba Bể. Trong 9 tháng đầu năm đã nhận được 11 đơn khiếu nại, kiến nghị, trong đó 03 đơn thư thuộc thẩm quyền đã được xác minh giải quyết, các đơn thư không thuộc thẩm quyền, đơn nặc danh đã được xử lý theo quy định.

Tổ chức 03 đợt kiểm tra liên ngành đột xuất về chất lượng vật tư nông nghiệp và kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản và công tác phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Kết quả đã kiểm tra được 141 cơ sở sản xuất, kinh doanh; yêu cầu 01 hộ kinh doanh tiêu hủy tại chỗ 41 gói giống rau các loại với trọng lượng 0,5 kg không có nhãn phụ bằng tiếng Việt Nam. Xử phạt vi phạm hành chính 07 cơ sở trong lĩnh vực phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y. Thu nộp ngân sách nhà nước 15 triệu đồng.

#### **5.5. Công tác xây dựng cơ bản**

- Hoạt động Xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP: Thực hiện quyết toán công trình đầu tư xây dựng năm 2017 và năm 2018. Triển khai thực hiện sửa chữa, nâng cấp các công trình năm 2019; Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng 09 hạng mục công trình tại xã Côn Minh huyện Na Rì, xã Mỹ Phương và Chu Hương huyện Ba Bể; chủ đầu tư đã tổ chức khởi công các hạng mục công trình và đang triển khai thi công.

- Khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ: Đã thực hiện quyết toán xong công trình thủy lợi đầu tư năm 2018. Năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư sửa chữa các tuyến kè tại xã Đông Viên huyện

Chợ Đồn và xã Cao Kỳ huyện Chợ Mới; chủ đầu tư đã tổ chức khởi công và triển khai các hạng mục công trình.

- Các đơn vị trực thuộc Sở được giao làm chủ đầu tư triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng, cụ thể:

+ Trung tâm Nước sạch và VSMTNT tiếp tục thực hiện các hợp phần thuộc Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" vốn vay ngân hàng thế giới; trả nợ quyết toán công trình Sửa chữa công trình CNSH thôn Nà Pục - Khuổi Lùng - Mỹ Phương.

+ Chi cục Kiểm lâm thực hiện trả nợ giá trị quyết toán dự án Trụ sở BQL các trạm Kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn; triển khai thực hiện công trình nhà làm việc trạm Kiểm lâm Quang Thuận thuộc hạt kiểm lâm huyện Bạch Thông.

- Đối với nội dung thu hồi giá trị vượt quyết toán đối với các dự án: Sở đang tiếp tục triển khai, chỉ đạo các đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện thu hồi, đến thời điểm hiện tại đã thu hồi được của các đơn vị và Ban quản lý thuộc sở là 663.195.693/1.990.233.916 đồng (đạt khoảng 33%) số chưa thu hồi được là 1.327.038.223 đồng. Trong đó một số dự án có số thu hồi lớn và rất khó khăn như: Dự án Cụm công trình thủy lợi phía đông nam huyện Chợ Đồn 538.286 nghìn đồng; Dự án Hồ Bản Vài, Bản Nản xã Khang Ninh 136.366 nghìn đồng; Dự án Cắm mốc khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ 96.459 nghìn đồng; Dự án sản xuất giống cam, quýt và hồng không hạt tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2011-2015 523.120.223 đồng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng, tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt 10 dự án (08 hồ sơ Báo cáo KTKT, 02 hồ sơ dự án đầu tư); kiểm tra chấp thuận cho bàn giao, đưa vào sử dụng 09 công trình chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT.

- Kết quả giải ngân nguồn vốn có tính chất đầu tư xây dựng của toàn ngành Nông nghiệp và PTNT đến ngày 15/9/2019 là 5.201,274/22.436,565 triệu đồng, đạt 23,18%. Ước thực hiện đến 31/12/2019 đạt 100% kế hoạch.

### ***5.6. Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật***

Phối hợp với các địa phương tổ chức, triển khai mô hình nuôi cá rô phi thâm canh theo hướng an toàn sinh học; áp dụng công nghệ thâm canh một số loài cây bản địa cho gỗ lớn nhằm từng bước thay thế cây gỗ nguyên liệu năng suất thấp bằng loài gỗ lớn có giá trị kinh tế; nuôi cá diêu hồng trong lồng; khoanh nuôi tái sinh làm giàu rừng tự nhiên nghèo kiệt,... hiện nay các mô hình đã được tập huấn, hỗ trợ giống, vật tư. Qua kiểm tra, theo dõi các mô hình đều sinh trưởng và phát triển tốt; riêng mô hình trồng thử nghiệm giống lạc mới và giống lúa mới qua đánh giá năng suất cao hơn giống đại trà của địa phương, và tiếp tục thử nghiệm để có cơ sở đưa vào sản xuất đại trà.

Tổ chức tập huấn 56 lớp cho 1.680 hộ nông dân tham gia, bằng 60% so với cùng kỳ với các nội dung về kỹ thuật trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, trồng cây dong riềng, cây gừng, cây bí xanh, cây cam quýt, hiểu biết về thuốc bảo vệ thực vật,...

Phối hợp với các đơn vị tham gia đào tạo tổ chức khai giảng 32/56 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn đạt 57% kế hoạch.

### **5.7. Chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn**

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2019; hoàn thiện, bàn giao đưa vào sử dụng 09/12 công trình cấp nước sinh hoạt; phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn thành lập tổ quản lý, quy chế vận hành, khắc phục tồn tại các công trình cấp nước sinh hoạt năm 2018. Thực hiện kiểm tra và hoàn thành hồ sơ quyết toán các công trình cấp nước sinh hoạt, chuyển vốn còn dư sang năm 2019; tổng hợp số liệu kết quả bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch và VSMTNT. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài sản công, sử dụng tài khoản trên hệ thống thông tin Quốc gia về giám sát và đánh giá đầu tư.

### **5.8. Hoạt động dự án “Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải khí CO<sub>2</sub>” (KfW8)**

Tổ chức triển khai tại huyện Ngân Sơn và Chợ Mới bao gồm các nội dung sau: Đánh dấu bãi cây tía thưa 250/800 ha đạt 31% kế hoạch; đo đạc đất và điều tra lập địa cho hoạt động trồng cây dưới tán có sự tham gia của người dân 380/800 ha đạt 47%, điều tra lập địa cho trồng cây dưới tán 225/800 ha đạt 28%; giám sát công tác tía thưa 110/300 ha đạt 37% kế hoạch; triển khai trồng cây bản địa dưới tán 35/110 ha đạt 32%. Tổ chức 01 cuộc hội thảo kỹ thuật cấp tỉnh với 56 người tham gia; đưa 94 người dân vùng dự án huyện Ngân Sơn, Chợ Mới thăm quan, học tập mô hình quản lý bền vững tại huyện Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái và huyện Hoàn Bô tỉnh Quảng Ninh; tập huấn kỹ thuật tía thưa, trồng cây bản địa dưới tán rừng 50 lớp cho 1.300 người tham gia. Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu thiết bị văn phòng, cung cấp phân bón cho cây trồng dưới tán, làm biển hiệu đo đạc.

Tiến độ giải ngân 5.977/19.800 triệu đồng, đạt 30% kế hoạch, trong đó vốn ODA 4.013/16.800 triệu đồng, đạt 23,89% KH, vốn đối ứng 1.964/3000 triệu đồng, đạt 65% kế hoạch.

### **5.9. Chương trình Nghị định 35/2015/NĐ-CP về quản lý và sử dụng đất trồng lúa**

Ngành đã phối hợp với các huyện, thành phố đề xuất danh điểm và tổ chức lấy 100 mẫu đất, thời gian phân tích dự kiến xong trước ngày 10/10/2018. Hoạt động xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi đã tổ chức lập, trình UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 26/6/2019. Ngày 07/9/2019, Sở Nông nghiệp và PTNT (Ban quản lý thực hiện chính sách hỗ trợ quản lý, sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP, giai đoạn 2016-2020) đã phối hợp với các địa phương được hưởng lợi từ các hạng mục công trình và các nhà thầu tổ chức khởi công, hiện nay nhà thầu thi công đang tổ chức triển khai thi công các hạng mục. Dự kiến hoàn thành các nội dung ngoài hiện trường trước 31/12/2019.

### 5.10. Các hoạt động khác

Cơ bản các phòng ban, đơn vị đã thực hiện việc báo cáo đáp ứng theo yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn bất cập như: Báo cáo của một số đơn vị chưa kịp thời, nội dung sơ sài, số liệu không thống nhất gây khó khăn cho công tác tổng hợp, tham mưu cho Lãnh đạo Sở trong công tác chỉ đạo điều hành.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai các hoạt động hỗ trợ theo Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND; thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để triển khai các mô hình phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương.

Xây dựng dự thảo Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Sửa đổi, bổ sung định mức kỹ thuật các cây trồng, vật nuôi để áp dụng cho các dự án phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

**6. Dự ước các chỉ tiêu thực hiện năm 2019** (được giao tại Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019)

**- Các chỉ tiêu ước đạt kế hoạch, gồm:**

(1) Sản lượng khai thác gỗ 242.665, đạt	121% KH.
(2) Diện tích trồng rừng 6.583 ha, đạt	115% KH.
(3) Sản lượng cây mía 4.049 ha, đạt	116% KH.
(4) Sản lượng cây nghệ 3.450 ha, đạt	110% KH.
(5) Sản lượng cây rau các loại 36.452 tấn, đạt	108% KH.

*Trong đó diện tích rau được chứng nhận ATTP hoặc công nghệ cao 72/60 ha đạt 120% KH.*

(6) Sản lượng khoai lang 2.588 tấn, đạt	107% KH.
(7) Sản lượng cây lạc 1.019 tấn, đạt	106% KH.
(8) Sản lượng nuôi trồng thủy sản 2.412 ha, đạt	105% KH.
(9) Sản lượng cam, quýt 18.231 tấn, đạt	104% KH.

*Trong đó*

*Diện tích được chứng nhận ATTP, VietGAP 41/50 ha, đạt 88% KH.*

*Diện tích cải tạo, thâm canh 50/500 đạt 101% KH.*

*Trồng mới 143/180 ha đạt 79% KH.*

(10) Sản lượng cây mận 1.594 tấn, đạt	101% KH.
(12) Tỷ lệ che phủ rừng 72,56%, đạt	101% KH.
(12) Sản lượng cây mơ 1.295 tấn, đạt	101% KH.

*Trong đó*

*Diện tích được chứng nhận ATTP, VietGAP 20/50 ha, đạt 40% KH.*

*Diện tích cải tạo, thâm canh 25/65 đạt 38% KH.*

*Trồng mới 87/160ha đạt 54% KH.*

(13) Sản lượng cây mận 1.594 tấn, đạt	101% KH.
(14) Sản lượng lương thực có hạt 175.433 tấn, đạt	100% KH.

**- Các chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, gồm:**

- |   |         |
|---|---------|
| (1) Sản lượng đậu đỗ 839 tấn, đạt                             | 93% KH. |
| (2) Duy trì diện tích đã chuyển đổi năm 2018 là 1.265 ha, đạt | 91% KH. |
| (3) Sản lượng cây khoai môn 2.179 tấn, đạt                    | 89% KH. |
| (4) Tổng đàn gia cầm 1.557.472 con, đạt                       | 88% KH. |
| (5) Sản lượng đậu tương 1.020 tấn, đạt                        | 88% KH. |
| (6) Sản lượng cây thuốc lá 1.856 tấn, đạt                     | 87% KH. |
| (7) Sản lượng cây chè 8.416 tấn, đạt                          | 84% KH. |

*Trong đó,*

*Diện tích cải tạo, thâm canh 117/150 đạt 78% KH*

*Diện tích chè được chứng nhận ATTP, VietGAP, chè hữu cơ 53/60 đạt 88% KH*

- |  |         |
|--|---------|
| (8) Tổng đàn đại gia súc 67.167 con, đạt | 80% KH. |
|--|---------|

- |   |         |
|---|---------|
| (9) Sản lượng hồng không hạt 1.777 tấn, đạt | 76% KH. |
|---|---------|

*Trong đó*

*Diện tích được chứng nhận ATTP, VietGAP 03/08 ha, đạt 38% KH.*

*Diện tích cải tạo, thâm canh 33/150 ha đạt 22% KH.*

*Trồng mới 27/60 ha đạt 45% KH.*

- |                                    |         |
|------------------------------------|---------|
| (10) Tổng đàn lợn 132.564 con, đạt | 68% KH. |
|------------------------------------|---------|

- |   |         |
|---|---------|
| (11) Diện tích đất ruộng, soi bãi đạt 100 triệu đồng/ha<br>2.234/3.4000 ha, đạt | 66% KH. |
|---|---------|

- |  |         |
|--|---------|
| (12) Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa<br>222/342 ha, đạt | 65% KH. |
|--|---------|

- |                                  |         |
|----------------------------------|---------|
| (13) Tổng đàn dê 22.240 con, đạt | 63% KH. |
|----------------------------------|---------|

- |   |         |
|---|---------|
| (14) Sản lượng cây dong riềng 33.544 tấn, đạt | 58% KH. |
|---|---------|

- |                                       |         |
|---------------------------------------|---------|
| (15) Sản lượng cây gừng 3.402 ha, đạt | 40% KH. |
|---------------------------------------|---------|

Ngoài ra còn một số nhiệm vụ đang thực hiện theo mùa vụ, sẽ đánh giá vào kết quả thực hiện vào năm 2019 như cây rau vụ đông, diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, diện tích đất ruộng, soi bãi đạt 100 triệu/ha....

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

Thực hiện chương trình hành động của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 58/QĐ-SNN về kế hoạch thực hiện Quyết định số 66/QĐ-UBND, ngày 16/01/2019 và Quyết định 2099/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, tổng số nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 66/QĐ-UBND là 13 nhiệm vụ, đã hoàn thành 10 nhiệm vụ, 03 nhiệm vụ đang thực hiện theo đúng thời gian quy định, (*chi tiết tại biểu 03 kèm theo*).

**IV. Kết quả thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với UBND các huyện, thành phố trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh (Số 675/QC-SNN-UBND ngày 25/4/2019)**

Quy chế Phối hợp công tác giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với UBND các huyện, thành phố trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội hàng năm trên địa bàn tỉnh được ký kết vào ngày 25/4/2019.

Thông qua nội dung Quy chế được ký kết, Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện, thành phố đã tổ chức triển khai thực hiện, thường xuyên phối hợp trên tất cả các lĩnh vực chuyên môn để đảm bảo thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội giao năm 2019; tổ chức phối hợp đánh giá kết quả sản xuất nông lâm nghiệp 9 tháng đầu năm 2019, xây dựng kế hoạch thực hiện trong 3 tháng cuối năm.

Tuy nhiên, một số địa phương việc thực hiện quy chế phối hợp vẫn chưa đảm bảo như: Công tác phối hợp trong đánh giá thống kê chưa đạt hiệu quả cao, tiến độ báo cáo của một số địa phương còn chậm, thiếu các số liệu theo yêu cầu; việc tham gia góp ý đối với các nội dung do Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì còn mang tính hình thức, nghiên cứu chưa sâu, dẫn đến việc triển khai còn gặp những khó khăn nhất định.

## **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những kết quả đạt được**

- Một số loại cây trồng vượt chỉ tiêu so với kế hoạch như: Diện tích cây lúa tăng 4% so với kế hoạch (812 ha) trong đó diện tích sản xuất lúa chất lượng tăng 185% (6.922 ha); diện tích trồng rau được chứng nhận ATTP hoặc công nghệ cao tăng 20% (12 ha), sản lượng khai thác gỗ tăng 21% (42.665 m<sup>3</sup>); diện tích trồng rừng tăng 15% (848 ha),... người dân từng bước thay đổi nhận thức chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát huy thế mạnh của địa phương, mở rộng quy mô phát triển thành vùng sản xuất hàng hoá.

- Các tiến bộ kỹ thuật và mô hình sản xuất tiên tiến tiếp tục được nhân rộng; hoạt động dịch vụ, phục vụ sản xuất được tăng cường; công tác quản lý, bảo vệ rừng ngày càng ổn định, giảm số vụ vi phạm và tính chất, mức độ vi phạm.

- Công tác chỉ đạo điều hành, hỗ trợ sản xuất có nhiều đổi mới, tiến bộ: Sở Nông nghiệp và PTNT và các huyện, thành phố chủ động xây dựng, triển khai phương án, kế hoạch sản xuất sớm; chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn cho nông dân việc gieo trồng theo lịch thời vụ; cơ cấu giống phù hợp; tập trung chăm sóc để cây trồng sinh trưởng phát triển nhanh, tăng sức chống chịu sâu bệnh và điều kiện ngoại cảnh bất lợi, giảm chi phí thuốc trừ sâu; chủ động phối hợp với cấp ủy chính quyền cơ sở triển khai và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các phương án phòng, chống dịch bệnh, phòng chống rét trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản, phương án phòng chống hạn, phương án phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn,...đồng thời, các địa phương đã huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị chỉ đạo, hỗ trợ nông dân khắc phục khó khăn để phát triển sản xuất.

Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh, huyện tiếp tục được thực hiện và có vai trò tích cực trong hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất; nhiều huyện đã chủ động xây dựng các cơ chế, chính

sách và hỗ trợ phù hợp với tình hình của địa phương tạo đà cho nông dân phát triển sản xuất.

## **2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những thành quả đạt được trong 9 tháng đầu năm 2019 còn một số tồn tại, hạn chế và khó khăn sau:

- Một số diện tích cây trồng chính không đạt kế hoạch giao (cây dong riềng, cây thuốc lá). Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa bền vững; cơ cấu kinh tế nông thôn các xã vùng sâu, vùng xa chuyển dịch chậm; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; chuỗi liên kết sản xuất với tiêu thụ, mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp an toàn phát triển chưa mạnh; thị trường tiêu thụ, sức cạnh tranh của sản phẩm chưa ổn định; việc xây dựng và phát triển thương hiệu, giải quyết đầu ra cho sản phẩm nông sản có thể mạnh của tỉnh còn hạn chế.

- Mức độ đầu tư thâm canh còn thấp, chất lượng sản phẩm chưa thật sự đáp ứng yêu cầu cao của thị trường, chưa đảm bảo các điều kiện để phát triển bền vững. Năng suất nhiều loại cây trồng tuy có tăng, nhưng còn thấp so với tiềm năng, lợi thế của địa phương. Các vùng chuyên canh cây trồng, vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung bước đầu đã hình thành, nhưng việc tổ chức thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc đầu tư hạ tầng.

- Việc chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chậm; công tác quản lý giống cây trồng vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu vẫn còn bất cập; các thông tin về giá cả thị trường đầu vào, đầu ra đến người nông dân còn chưa kịp thời; người dân thiếu kỹ năng phân tích, nắm bắt thị trường; sản xuất chủ yếu là nhỏ lẻ, vẫn còn tình trạng có lúc được mùa thì mất giá, được giá lại mất mùa.

- Một số địa phương chưa định hướng, chỉ đạo quyết liệt trong công tác phát triển chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh động vật, tổng đàn gia súc của nhiều địa phương giảm mạnh đặc biệt là đàn đại gia súc và đàn lợn do đó tỷ lệ tiêm phòng chưa đạt kế hoạch giao; chưa có vắc xin, thuốc đặc trị bệnh dịch tả lợn Châu Phi, chỉ áp dụng các biện pháp phòng bệnh là chính dẫn đến dịch lây lan trên diện rộng; chưa chủ động được nguồn con giống phục vụ tại chỗ; chưa có cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, việc giết mổ nhỏ lẻ tại các hộ dân dẫn đến việc kiểm soát và phòng bệnh cho vật nuôi gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình vi phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng vẫn thường xuyên xảy ra; giá bán của rừng trồng còn thấp, chi phí vận chuyển cao, rừng trồng gỗ lớn chưa nhiều, chi phí tái trồng rừng cao, nên hiệu quả kinh doanh rừng trồng còn thấp, chưa thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư.

- Lực lượng Kiểm lâm còn thiếu dẫn đến công tác kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm còn nhiều khó khăn do địa bàn rộng, giao thông không thuận lợi; nhu cầu sử dụng lâm sản và lợi nhuận thu được từ việc buôn bán lâm sản trái pháp luật lớn; phương thức hoạt động của các đối tượng vi phạm ngày càng tinh vi.



- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước hạn hẹp chưa đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ giao; việc thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế.

## **V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG 3 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

### **1. Về nông nghiệp**

Thực hiện tốt phương án sản xuất vụ đông năm 2019 tại Quyết định số 1359/QĐ-UBND, ngày 07 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn, Phương án phát triển chăn nuôi các tháng cuối năm 2019 tại Quyết định số 1498/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 8 năm 2019. Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu được giao tại Phương án tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2019 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1475/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2019, cụ thể:

- Về trồng trọt: Tập trung chỉ đạo hướng dẫn nông dân chăm sóc các cây trồng vụ mùa, thu hoạch lúa mùa sớm và tăng diện tích gieo trồng vụ đông, xuân để bù đắp sản lượng và giá trị thiếu hụt trong 9 tháng đầu năm; thực hiện tốt công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; thường xuyên thăm đồng, theo dõi đồng ruộng phát hiện sâu bệnh kịp thời để có biện pháp phòng trừ hiệu quả; quản lý chặt chẽ việc buôn bán các loại thuốc bảo vệ thực vật không được sử dụng và hạn chế sử dụng.

- Chăn nuôi, thủy sản: Thực hiện tốt các biện pháp để khống chế, ngăn chặn và phòng ngừa dịch tả lợn Châu Phi; tập trung chỉ đạo phát triển đàn vật nuôi phân đấu đạt kế hoạch giao, các địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân tập trung phát triển đàn gia cầm từ nguồn kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi; khuyến khích chăn nuôi tập trung tại các gia trại, trang trại; triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở động vật, như: Bệnh lở mồm long móng gia súc, bệnh cúm gia cầm, bệnh tai xanh,... tăng cường công tác quản lý con giống, thuốc, thức ăn chăn nuôi. Triển khai, thực hiện tốt công tác tiêm phòng đợt 2 năm 2019. Tiếp tục chăm sóc, phòng, trừ dịch bệnh diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Triển khai, hướng dẫn người dân áp dụng các biện pháp phòng, chống rét cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

### **2. Về lâm nghiệp**

- Chỉ đạo chăm sóc rừng trồng, tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả trồng rừng theo kế hoạch. Chuẩn bị tốt các điều kiện cho công tác trồng rừng năm 2020 như: Đăng ký nhu cầu, gieo ươm cây giống, tổ chức thiết kế trồng rừng,...

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc khai thác, tận dụng và tận thu lâm sản của các chủ rừng. Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng chức năng tại địa phương, đặc biệt là các vùng giáp ranh. Thực hiện các biện pháp cấp bách nhằm ngăn chặn các hành vi khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật, tăng cường công tác phòng chống cháy rừng.

### **3. Các nhiệm vụ khác**

- Phòng Kế hoạch tài chính phối hợp với các đơn vị trực thuộc, UBND các huyện, thành phố, cơ quan Thống kê tổ chức rà soát, đánh giá năng suất, sản lượng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 đảm bảo đúng với thực tiễn; xây dựng dự thảo quy chế phối hợp giữa ngành Nông nghiệp và PTNT và Cục Thống kê về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê.

- Chi cục Thủy lợi và PCLB: Phối hợp với UBND các huyện, thành phố quản lý và khai thác tốt các công trình thủy lợi, rà soát, kiểm tra những vùng có nguy cơ cao theo phương án PCLB, phương án chống hạn, chống úng. Hướng dẫn bảo trì công trình và quy trình quản lý khai thác sử dụng công trình thủy lợi. Theo dõi diễn biến thời tiết, tham mưu và chỉ đạo các đơn vị, địa phương chủ động phòng tránh, ứng phó với thiên tai xảy ra.

- Chi cục Phát triển nông thôn: Tiếp tục tổ chức triển khai mục tiêu phát triển kinh tế tập thể, phương án bố trí dân cư xen ghép trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ cho hợp tác xã theo kế hoạch, tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, việc thực hiện các dự án, tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

- Trung tâm Khuyến nông: Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, hướng dẫn chuyển dịch cơ cấu giống, thời vụ; hướng dẫn kỹ thuật, tuyên truyền nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả cao phù hợp với địa phương.

- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Thanh tra sở duy trì công tác thanh tra chuyên ngành về Thú y và Bảo vệ thực vật; tổ chức các đợt thanh tra định kỳ và đột xuất về vật tư, giống cây trồng vật nuôi, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn đảm bảo theo quy định; tiếp tục thành lập đoàn kiểm tra ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục triển khai, thực hiện Chương trình “ Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” tỉnh Bắc Kạn năm 2019; chỉ đạo, giám sát các gói thầu thi công, tư vấn giám sát thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ; thực hiện các phương án tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra đánh giá chất lượng nước năm 2018; thu thập Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch và VSMTNT.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp cung ứng đầy đủ các loại giống cây trồng trong cơ cấu giống và các loại vật tư, thuốc BVTV đáp ứng nhu cầu sản xuất.

- Chương trình Nghị định số 35/2015/NĐ-CP: Báo cáo kết quả phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất chuyên trồng lúa nước; tư vấn giám sát, thi công, bảo hiểm và tổ chức thi công tác công trình đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi trên đất trồng lúa theo quy định.

### **4. UBND các huyện, thành phố**

Tập trung chỉ đạo các giải pháp để thực hiện tốt các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 2099/QĐ-UBND, ngày 10/12/2019 và Phương án tăng trưởng

kinh tế 6 tháng cuối năm 2019 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1475/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2019, triển khai có hiệu quả cao các chính sách của Trung ương, của tỉnh, huyện và thành phố; phân công, chỉ đạo cán bộ ở các phòng, ban chuyên môn bám sát cơ sở, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; chủ động và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, chỉ đạo thâm canh tăng năng suất trên diện tích các cây trồng mùa đảm bảo kế hoạch được giao.

Đối với các loại cây đặc sản (cam, quýt, hồng không hạt): Các huyện tiếp tục chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật từ khâu chọn giống, trồng, chăm sóc theo hướng VietGAP hoặc đảm bảo ATVSTP và thâm canh, cải tạo đối với vườn cây già cỗi, thoái hóa, trồng mới theo kế hoạch.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân và hộ nông dân phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông lâm nghiệp; đẩy mạnh thâm canh, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích nông dân hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng tại địa phương.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản 9 tháng đầu năm, giải pháp thực hiện nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Kạn./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (Báo cáo);
- GD, các PGĐ Sở;
- Cục Thống kê; Sở KH&ĐT (P/hợp);
- UBND các huyện, thành phố (P/hợp);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở (T.hiện);
- Phòng NN các huyện, P.KT thành phố (T.hiện);

*Gửi bản giấy:*

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (Báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hà Kim Oanh**